

## CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 838/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2022

của Trường Đại học Thương mại)

<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Quản trị nhân lực</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7340404</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>

### 1. Mục tiêu của ngành đào tạo

- *Mục tiêu chung:* Đào tạo cử nhân ngành Quản trị nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững nguyên lý, quy luật về kinh tế - xã hội, những kiến thức cơ bản quản trị - quản lý; kiến thức chuyên môn toàn diện về quản trị nhân lực; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, có khả năng thực nghiệm và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực trong tổ chức đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ Tư.

- *Mục tiêu cụ thể:* Đào tạo cử nhân ngành Quản trị nhân lực đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành đào tạo có năng lực sau đây:

(PO1): *Có khả năng phân tích được kiến thức chuyên môn toàn diện trong lĩnh vực quản trị nhân lực:* Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kinh tế, quản trị - quản lý nhằm hỗ trợ tìm hiểu, giải quyết những vấn đề liên quan; Kiến thức toàn diện, chuyên sâu ngành quản trị nhân lực, quản trị nhân lực trong tổ chức đặc thù gắn với môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.

(PO2): *Sử dụng được kỹ năng thực nghiệm trong lĩnh vực quản trị nhân lực* bao gồm kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá các hoạt động tác nghiệp: tuyển dụng nhân lực; đào tạo và phát triển nhân lực; tổ chức và định mức lao động; đánh giá thực hiện công việc; an toàn, vệ sinh lao động; trả công lao động; kỹ năng phát triển quan hệ lao động. Đồng thời thuần thục các kỹ năng giao tiếp, phản biện, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, làm việc nhóm để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong lĩnh vực quản trị nhân lực. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và chuẩn tiếng Anh theo quy định của Nhà trường.

(PO3): *Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm* trong lĩnh vực chuyên môn về quản trị nhân lực: Có đạo đức nghề nghiệp; Tôn trọng và chấp hành pháp luật; Ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong công việc. Có khả năng làm việc độc

lập, làm việc nhóm trong hướng dẫn, phổ biến kiến thức, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; và có sức khỏe để làm việc.

## 2. Yêu cầu về kiến thức

(PLO1): *Áp dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học xã hội nhân văn và toán học để giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.*

(PLO2): *Vận dụng được nguyên lý cơ bản về kinh tế, quản trị, quản lý vào giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.*

(PLO3): *Phân tích được các kiến thức ngành: Quản lý nguồn nhân lực xã hội, Quan hệ lao động, Hoạch định chiến lược, chính sách nguồn nhân lực... vào thực tiễn quản trị nhân lực của tổ chức.*

(PLO4): *Phân tích được các kiến thức chuyên sâu và hiện đại: Tuyển dụng nhân lực; Đào tạo và phát triển nhân lực; Tổ chức và định mức lao động; Đánh giá thực hiện công việc; Trả công lao động; An toàn và vệ sinh lao động; Quản trị nhân lực công; Quản trị nhân lực quốc tế... vào thực tiễn quản trị nhân lực.*

## 3. Yêu cầu về kỹ năng

(PLO5): *Thực hành được kỹ năng áp dụng kiến thức để phân tích môi trường quản trị nhân, dự báo cung cầu nguồn nhân lực; lập kế hoạch, triển khai, đánh giá các tác nghiệp quản trị nhân lực; kỹ năng thiết lập, duy trì, phát triển quan hệ lao động để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị nhân lực.*

(PLO6): *Thử nghiệm được kỹ năng quản trị chiến lược; hoạch định chiến lược, chính sách nguồn nhân lực để khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.*

(PLO7): *Thực hiện được các kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong quản trị nhân lực khi điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi trên cơ sở giao tiếp, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, làm việc nhóm.*

(PLO8): *Tổ chức được kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và đánh giá kết quả thực hiện của nhóm và các thành viên trong nhóm.*

## 4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO9): *Có khả năng tự chủ, tự định hướng, làm việc độc lập để đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để xây dựng kế hoạch, tổ chức và kiểm soát các nguồn lực, thực hiện các nhiệm vụ nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp, chuyên môn về quản trị nhân lực.*

(PLO10): *Có trách nhiệm với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, với tổ chức tham gia, với cộng đồng xã hội; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các nhiệm vụ xác định; Vận dụng đúng pháp luật trong quản trị nhân lực.*

## **5. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO11): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 và Quyết định số 338/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/2022 của Trường Đại học Thương mại.

## **6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

### **6.1. Các vị trí làm việc phù hợp sau tốt nghiệp**

- Chuyên viên, tư vấn viên về quản trị nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp;
- Lãnh đạo, nhà quản trị ở các bộ phận về quản trị nhân lực và có liên quan ở các cấp thuộc mọi thành phần kinh tế trong các ngành, lĩnh vực; các cơ quan quản lý, các tổ chức kinh tế - xã hội khác nhau;
- Giảng viên, nghiên cứu viên về quản trị nhân lực ở các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

### **6.2. Các tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp**

- Các tổ chức hoạt động kinh doanh: Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, sản xuất thuộc sở hữu nhà nước, tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài; Các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ triển khai về quản trị nhân lực;
- Các tổ chức trong khu vực công: Cơ quan quản lý nhà nước về lao động các cấp (phòng Lao động Thương binh và Xã hội; phòng Nội vụ; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Nội vụ; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Bộ Nội vụ. Bộ phận phụ trách công tác Lao động ở các Bộ; Tổng cục; Cục; Ủy ban nhân dân; Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể...
- Các cơ sở đào tạo cao đẳng, các trường đại học, học viện; Các viện nghiên cứu về quản trị nhân lực/có bộ phận nghiên cứu về quản trị nhân lực.

## **7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sỹ, tiến sỹ trong và ngoài nước cùng ngành hoặc ngành gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- Có khả năng tiếp cận với quy định, quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí việc làm đảm nhận;

- Có khả năng học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý, quản trị ở các cấp.

## **8. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo**

### **8.1. Trong nước**

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

- Tuyên bố chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo bậc đại học chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Kinh tế quốc dân (<https://khoaquanlynguonnhanluc.neu.edu.vn/vi/nhom-nganh-cong-nghe-thong-tin/chuong-trinh-dao-tao-nganh-quan-tri-nhan-luc-khoa-63>)

- Tuyên bố chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo bậc đại học chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Công đoàn (<http://www.dhcd.edu.vn/b/Tin-Khac/CHUAN-DAU-RA-BAN-HANH-NAM-2019.html>)

### **8.2. Ngoài nước**

- Chương trình đào tạo cử nhân quản trị nhân lực - Trường Đại học Nam Úc (University of South Australia) (<https://study.unisa.edu.au/degrees/bachelor-of-business-human-resource-management>)

- Chương trình đào tạo cử nhân quản trị nhân lực - Trường Đại học RMIT (<https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit/undergraduate-programs/bachelor-business-human-resource-management#overview>)

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**PGS, TS Nguyễn Hoàng**

**TRƯỞNG KHOA**  
  
**PGS, TS Nguyễn Thị Minh Nhân**

## CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 838/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2022

của Trường Đại học Thương mại)

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Quản trị nhân lực doanh nghiệp Corporate Human Resource Management</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Quản trị nhân lực</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7340404</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Quản trị nhân lực doanh nghiệp</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt</b>

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- *Mục tiêu chung:* Đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực, chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững nguyên lý, quy luật về kinh tế - xã hội, những kiến thức cơ bản quản trị - quản lý; kiến thức chuyên môn toàn diện về quản trị nhân lực; kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản trị nhân lực doanh nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, có khả năng thực nghiệp và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ Tư.

- *Mục tiêu cụ thể:* Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo có năng lực sau đây:

(PO1): *Có khả năng phân tích được kiến thức chuyên môn toàn diện trong lĩnh vực quản trị nhân lực:* Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kinh tế, quản trị - quản lý nhằm hỗ trợ tìm hiểu, giải quyết những vấn đề liên quan; Kiến thức toàn diện, chuyên sâu ngành quản trị nhân lực, chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp, quản trị nhân lực trong tổ chức đặc thù gắn với môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.

(PO2): *Sử dụng được kỹ năng thực nghiệp trong lĩnh vực quản trị nhân lực doanh nghiệp* bao gồm kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá các hoạt động tác nghiệp: tuyển dụng nhân lực; đào tạo và phát triển nhân lực; tổ chức và định mức lao động; đánh giá thực hiện công việc; an toàn, vệ sinh lao động; trả công lao động; kỹ năng phát triển quan hệ lao động. Đồng thời thuần thục các kỹ năng giao tiếp, phản biện, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, làm việc nhóm để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phức

tạp trong lĩnh vực quản trị nhân lực. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và chuẩn tiếng Anh theo quy định của Nhà trường.

(PO3): *Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm* trong lĩnh vực chuyên môn về quản trị nhân lực: Có đạo đức nghề nghiệp; Tôn trọng và chấp hành pháp luật; Ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong công việc. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong hướng dẫn, phổ biến kiến thức, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; và *có sức khỏe để làm việc*.

## **2. Yêu cầu về kiến thức**

(PLO1): *Áp dụng được kiến thức cơ bản* về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học xã hội nhân văn và toán học để giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.

(PLO2): *Vận dụng được nguyên lý cơ bản* về kinh tế, quản trị, quản lý vào giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.

(PLO3): *Phân tích được các kiến thức ngành*: Quản lý nguồn nhân lực xã hội, Quan hệ lao động, Hoạch định chiến lược, chính sách nguồn nhân lực... vào thực tiễn quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO4): *Phân tích được các kiến thức chuyên sâu và hiện đại chuyên ngành*: Tuyển dụng nhân lực; Đào tạo và phát triển nhân lực; Tổ chức và định mức lao động; Đánh giá thực hiện công việc; Trả công lao động; An toàn và vệ sinh lao động; Quản trị nhân lực công; Quản trị nhân lực quốc tế... vào thực tiễn quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp.

## **3. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO5): *Thực hành được kỹ năng áp dụng kiến thức* để phân tích môi trường quản trị nhân, dự báo cung cầu nguồn nhân lực; lập kế hoạch, triển khai, đánh giá các tác nghiệp quản trị nhân lực; kỹ năng thiết lập, duy trì, phát triển quan hệ lao động để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO6): *Thử nghiệm được kỹ năng quản trị chiến lược; hoạch định chiến lược, chính sách nguồn nhân lực* để khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

(PLO7): *Thực hiện được các kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế* trong quản trị nhân lực khi điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi trên cơ sở giao tiếp, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, làm việc nhóm.

(PLO8): *Tổ chức được kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp* tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và đánh giá kết quả thực hiện của nhóm và các thành viên trong nhóm.

## **4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO9): *Có khả năng tự chủ, tự định hướng, làm việc độc lập* để đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân *hoặc làm việc theo nhóm* để xây dựng kế hoạch, tổ chức và kiểm soát các nguồn lực, thực hiện các nhiệm vụ nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp, chuyên môn về quản trị nhân lực.

(PLO10): *Có trách nhiệm với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn*, với tổ chức tham gia, với cộng đồng xã hội; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các nhiệm vụ xác định; Vận dụng đúng pháp luật trong quản trị nhân lực.

## **5. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO11): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 và Quyết định số 338/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/2022 của Trường Đại học Thương mại.

## **6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

### **6.1. Các vị trí làm việc phù hợp sau tốt nghiệp**

- Chuyên viên, tư vấn viên về quản trị nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp;
- Lãnh đạo, nhà quản trị ở các bộ phận về quản trị nhân lực và có liên quan ở các cấp thuộc mọi thành phần kinh tế trong các ngành, lĩnh vực; các cơ quan quản lý, các tổ chức kinh tế - xã hội khác nhau;
- Giảng viên, nghiên cứu viên về quản trị nhân lực ở các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

### **6.2. Các tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp**

- Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, sản xuất thuộc sở hữu nhà nước, tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài; Doanh nghiệp/tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ triển khai về quản trị nhân lực;
- Cơ quan quản lý nhà nước về lao động các cấp (phòng Lao động Thương binh và Xã hội; phòng Nội vụ; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Nội vụ; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Bộ Nội vụ. Bộ phận phụ trách công tác Lao động ở các Bộ; Tổng cục; Cục; Ủy ban nhân dân; Các tổ chức công; Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể;

- Các cơ sở đào tạo cao đẳng, các trường đại học, học viện; Các viện nghiên cứu về quản trị nhân lực/có bộ phận nghiên cứu về quản trị nhân lực.

### **7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sỹ, tiến sỹ trong và ngoài nước cùng ngành hoặc ngành gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- Có khả năng tiếp cận với quy định, quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí việc làm đảm nhận;

- Có khả năng học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý, quản trị ở các cấp.

### **8. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo**

#### **8.1. Trong nước**

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

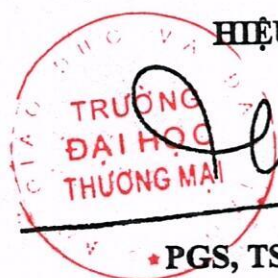
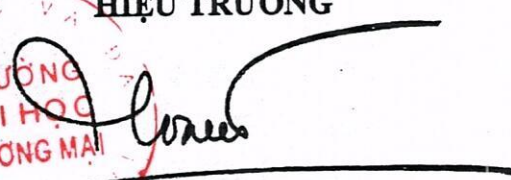
- Tuyên bố chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo bậc đại học chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Kinh tế quốc dân (<https://khoaquanlynghuonnhanluc.neu.edu.vn/vi/nhom-nganh-cong-nghe-thong-tin/chuong-trinh-dao-tao-nganh-quan-tri-nhan-luc-khoa-63>)


- Tuyên bố chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo bậc đại học chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Công đoàn (<http://www.dhcd.edu.vn/b/Tin-Khac/CHUAN-DAU-RA-BAN-HANH-NAM-2019.html>)

#### **8.2. Ngoài nước**

- Chương trình đào tạo cử nhân quản trị nhân lực - Trường Đại học Nam Úc (University of South Australia) (<https://study.unisa.edu.au/degrees/bachelor-of-business-human-resource-management>)

- Chương trình đào tạo cử nhân quản trị nhân lực - Trường Đại học RMIT (<https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit/undergraduate-programs/bachelor-business-human-resource-management#overview>)

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
\*PGS, TS Nguyễn Hoàng

**TRƯỞNG KHOA**  
  
PGS, TS Nguyễn Thị Minh Nhân



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 838/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2022

của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Quản trị nhân lực doanh nghiệp Corporate Human Resource Management</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Quản trị nhân lực</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7340404</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Quản trị nhân lực doanh nghiệp</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt</b>

### 1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Khoa Quản trị nhân lực (QTNL) được thành lập theo Quyết định số 402/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại, là một trong những Khoa đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Chương trình đào tạo ngành QTNL trình độ đại học được phê duyệt theo Quyết định số 6265/QĐ-BGDĐT ngày 9 tháng 12 năm 2011 theo mã ngành 52340404 và chuyển đổi mã ngành đào tạo 7340404 theo danh mục giáo dục đào tạo cấp IV (Thông tư số 24 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT) theo Quyết định số 800/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 11 năm 2017). Chương trình đào tạo ngành QTNL năm 2017 được ban hành kèm theo Quyết định số 81/QĐ-ĐHTM ngày 10 tháng 2 năm 2017. Đến năm 2019, chương trình đào tạo được rà soát, chỉnh sửa và ban hành kèm theo Quyết định số 1566/QĐ-ĐHTM ngày 25 tháng 12 năm 2019.

Trong lần rà soát, chỉnh sửa năm 2022 này, căn cứ Luật Giáo dục đại học; Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Mục tiêu phát triển năng lực của khu vực ASEAN; Tiêu chuẩn ISO/TC 260 Geneva Quản trị nguồn nhân lực; Xu hướng phát triển kinh tế xã hội; Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo các chương trình tham khảo; Khuyến nghị của đoàn đánh giá

ngoài chương trình đào tạo; Ý kiến đóng góp của các bên liên quan, chương trình đào tạo Quản trị nhân lực đã có một số thay đổi như sau:

*Một là*, về mục tiêu chung của chương trình đào tạo: Xác định rõ mục tiêu đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực, chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp nhằm “...đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ Tư”. Mục tiêu này là phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nhân sự và phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển của trường Đại học Thương mại đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

*Hai là*, về mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo: Được thể hiện ở 3 PO (bao gồm PO1 về kiến thức, PO2 về kỹ năng, PO3 về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm). Điều này khắc phục được sự chồng lấn trong việc xác định mục tiêu về thái độ và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chương trình đào tạo năm 2019.

*Ba là*, về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Được rút gọn từ 22 PLO của chương trình đào tạo năm 2019 xuống còn 12 PLO đảm bảo tính khoa học, khung trình độ quốc gia, thuận lợi trong việc đo lường và đánh giá chuẩn đầu ra.

*Bốn là*, về cấu trúc của các học phần trong chương trình đào tạo: Điều chỉnh giờ thảo luận/Thực hành và giờ tự học trong cấu trúc học phần. Thời lượng giờ thảo luận/Thực hành được điều chỉnh tăng gấp đôi (đối với học phần 2 TC từ 6 giờ lên 12 giờ; học phần 3TC từ 9 giờ lên 18 giờ), trong đó ½ số giờ này sử dụng để hướng dẫn thảo luận/Thực hành trực tuyến. Bổ sung hướng dẫn tổ chức giờ thảo luận/Thực hành, hướng dẫn tổ chức học tập trực trong đề cương các học phần.

*Năm là*, về nội dung chương trình đào tạo: Bổ sung ba học phần mới Phân tích nhân lực (3TC), Quản trị nhân lực số (3TC), Chuyển đổi số trong kinh doanh (2TC). Việc bổ sung này hoàn toàn phù hợp với bối cảnh và xu hướng kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, bổ sung nội dung “Đạo đức nghề nhân sự” vào học phần Quản trị nhân lực căn bản và nội dung “Đạo đức công vụ” vào học phần Quản trị nhân lực công để lấp đầy khoảng trống về “Đạo đức nghề nghiệp” trong chương trình đào tạo. Đưa thêm ba học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành và hai học phần tự chọn thuộc kiến thức bổ trợ để đảm bảo thống nhất tỷ lệ 3 học phần chọn 1 học phần trong toàn bộ chương trình. Ngoài ra, đã xây dựng 2 đề cương học phần: Báo cáo thực tập tổng hợp (3 TC) và Khoá luận tốt nghiệp (7 TC).

*Sáu là*, về tài liệu tham khảo các học phần được cập nhật, bổ sung thể hiện ở mục 11 trong đề cương học phần.

## **2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

- *Mục tiêu chung*: Đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực, chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững nguyên lý, quy luật về kinh tế - xã hội, những kiến thức cơ bản quản trị - quản lý; kiến thức chuyên môn toàn diện về quản trị nhân lực; kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản trị nhân lực doanh nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, có khả năng thực nghiệp và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ Tư.

- *Mục tiêu cụ thể*: Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo có năng lực sau đây:

(PO1): *Có khả năng phân tích được kiến thức chuyên môn toàn diện trong lĩnh vực quản trị nhân lực*: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kinh tế, quản trị - quản lý nhằm hỗ trợ tìm hiểu, giải quyết những vấn đề liên quan; Kiến thức toàn diện, chuyên sâu ngành quản trị nhân lực, chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp, quản trị nhân lực trong tổ chức đặc thù gắn với môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.

(PO2): *Sử dụng được kỹ năng thực nghiệp trong lĩnh vực quản trị nhân lực doanh nghiệp* bao gồm kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá các hoạt động tác nghiệp: tuyển dụng nhân lực; đào tạo và phát triển nhân lực; tổ chức và định mức lao động; đánh giá thực hiện công việc; an toàn, vệ sinh lao động; trả công lao động; kỹ năng phát triển quan hệ lao động. Đồng thời thuần thục các kỹ năng giao tiếp, phản biện, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, làm việc nhóm để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong lĩnh vực quản trị nhân lực. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và chuẩn tiếng Anh theo quy định của Nhà trường.

(PO3): *Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm* trong lĩnh vực chuyên môn về quản trị nhân lực: Có đạo đức nghề nghiệp; Tôn trọng và chấp hành pháp luật; Ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong công việc. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong hướng dẫn, phổ biến kiến thức, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; và *có sức khỏe để làm việc*.

### **3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

#### **3.1. Yêu cầu về kiến thức**

(PLO1): *Áp dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học xã hội nhân văn và toán học để giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực*.

(PLO2): *Vận dụng được nguyên lý cơ bản về kinh tế, quản trị, quản lý vào giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực*.

(PLO3): *Phân tích được các kiến thức ngành:* Quản lý nguồn nhân lực xã hội, Quan hệ lao động, Hoạch định chiến lược, chính sách nguồn nhân lực... vào thực tiễn quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO4): *Phân tích được các kiến thức chuyên sâu và hiện đại chuyên ngành:* Tuyển dụng nhân lực; Đào tạo và phát triển nhân lực; Tổ chức và định mức lao động; Đánh giá thực hiện công việc; Trả công lao động; An toàn và vệ sinh lao động; Quản trị nhân lực công; Quản trị nhân lực quốc tế... vào thực tiễn quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp.

### **3.2. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO5): *Thực hành được kỹ năng áp dụng kiến thức* để phân tích môi trường quản trị nhân, dự báo cung cầu nguồn nhân lực; lập kế hoạch, triển khai, đánh giá các tác nghiệp quản trị nhân lực; kỹ năng thiết lập, duy trì, phát triển quan hệ lao động để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO6): *Thử nghiệm được kỹ năng quản trị chiến lược; hoạch định chiến lược, chính sách nguồn nhân lực* để khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

(PLO7): *Thực hiện được các kỹ năng* phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong quản trị nhân lực khi điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi trên cơ sở giao tiếp, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, làm việc nhóm.

(PLO8): *Tổ chức được kỹ năng* truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và đánh giá kết quả thực hiện của nhóm và các thành viên trong nhóm.

### **3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO9): *Có khả năng tự chủ, tự định hướng, làm việc độc lập* để đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân *hoặc làm việc theo nhóm* để xây dựng kế hoạch, tổ chức và kiểm soát các nguồn lực, thực hiện các nhiệm vụ nhằm giải quyết hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp, chuyên môn về quản trị nhân lực.

(PLO10): *Có trách nhiệm với việc thực hiện nhiệm vụ* chuyên môn, với tổ chức tham gia, với cộng đồng xã hội; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các nhiệm vụ xác định; Vận dụng đúng pháp luật trong quản trị nhân lực.

### **3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO11): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình

độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 của Trường Đại học Thương mại, Quyết định số 338/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/2022 của Trường Đại học Thương mại.

**4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

#### **5. Đối tượng tuyển sinh**

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

##### **6.1. Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

**Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

**Bước 2.** Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

## 6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

## 7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## 8. Nội dung chương trình đào tạo

### 8.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức và các học phần	Tín chỉ	Cấu trúc
1	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>40</b>	
1.1.	<b>Giáo dục đại cương</b>	<b>29</b>	
1.1.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>27</b>	
1	Triết học Mác Lê nin	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24,12

3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác Lê nin	2	24,12
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	24,12
6	Pháp luật đại cương	2	24,12
7	Tiếng Anh 1	2	24,12
8	Tiếng Anh 2	2	24,12
9	Tiếng Anh 3	2	24,12
10	Toán đại cương	3	36,18
11	Tin học quản lý	3	36,18
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24,12
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>2</b>	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>		
1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24,12
2	Xã hội học đại cương	2	24,12
3	Kinh tế môi trường	2	24,12
<b>1.2</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>1</b>	
	Giáo dục thể chất chung	1	
<b>1.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>2</b>	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>		
1	Bóng ném	1	
2	Bóng chuyền	1	
3	Cầu lông	1	
4	Bóng bàn	1	
5	Cờ vua	1	
6	Bóng rổ	1	
<b>1.3</b>	<b>Giáo dục quốc phòng an ninh</b>	<b>8</b>	
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>91</b>	
<b>2.1</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>28</b>	
<b>2.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>17</b>	
1	Kinh tế vi mô 1	3	36,18
2	Quản trị học	3	36,18
3	Kinh tế nguồn nhân lực căn bản	2	24,12
4	Quản trị nhân lực căn bản	3	36,18
5	Tâm lý học lao động	2	24,12
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	24,12

7	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	24,12
<b>2.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>11</b>	
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	36,18
2	Hành vi tổ chức	3	36,18
3	Marketing căn bản	3	36,18
4	Thương mại điện tử căn bản	3	36,18
5	Quản trị dự án	3	36,18
6	Kinh tế khu vực và ASEAN	3	36,18
7	Khởi nghiệp và tư duy nghiệp chủ	3	36,18
8	Xây dựng ý tưởng kinh doanh sáng tạo và mô hình kinh doanh	3	36,18
9	Kinh tế học quản lý	3	36,18
10	Lao động và việc làm	2	24,12
11	Khởi sự kinh doanh	2	24,12
12	Chuyển đổi số trong kinh doanh	2	24,12
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)</b>	<b>41</b>	
<b>2.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>30</b>	
1	Luật lao động	2	24,12
2	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	2	24,12
3	Quan hệ lao động*	3	34,12,5
4	Hoạch định nguồn nhân lực	3	36,18
5	An toàn và vệ sinh lao động	2	24,12
6	Tuyển dụng nhân lực	2	24,12
7	Đào tạo và phát triển nhân lực	2	24,12
8	Tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp	3	36,18
9	Đánh giá thực hiện công việc	2	24,12
10	Trả công lao động trong doanh nghiệp*	3	34,12,5
11	Quản trị nhân lực quốc tế	2	24,12
12	Quản trị nhân lực công	2	24,12
13	Quản trị thời gian	2	24,12
<b>2.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>11</b>	
1	Phân tích nhân lực	3	30,30
2	Quản trị nhân lực số	3	30,30
3	Quản trị tri thức	3	36,18
4	Quản trị dịch vụ	3	36,18
5	Hệ thống thông tin quản lý	3	36,18
6	Quản trị đa văn hóa	3	36,18
7	Quản trị sản xuất	3	36,18
8	Quản trị thương hiệu 1	3	36,18
9	Quản trị chuỗi cung ứng	3	36,18



10	Quản trị hành chính văn phòng	2	24,12
11	Khai phá dữ liệu trong kinh doanh	2	24,12
12	Kinh tế doanh nghiệp	2	24,12
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>12</b>	
<b>2.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>6</b>	
1	An sinh xã hội	3	36,18
2	Quản trị chiến lược	3	36,18
<b>2.3.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6</b>	
1	Đầu tư quốc tế	3	36,18
2	Nguyên lý quản lý kinh tế	3	36,18
3	Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp	3	36,18
4	Quản trị tài chính 1	3	36,18
5	Quản lý tài sản trí tuệ	3	36,18
6	Quản trị PR	3	36,18
<b>2.4</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>	<b>10</b>	
<b>2.4.1</b>	<b>Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp</b>	<b>3</b>	<b>0,90</b>
<b>2.4.2</b>	<b>Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>7</b>	<b>0,210</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>131</b>	

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khoá học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.

*Chú thích: Học phần đánh dấu \* là học phần báo cáo thực tế*

## 8.2. Mô tả các học phần

Xem phụ lục kèm theo

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>12-13TC</b>
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15-16TC</b>
3	KỲ HÈ NĂM NHẤT	<b>Giáo dục quốc phòng – an ninh</b>	<b>08 TC</b>
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-17 TC</b>

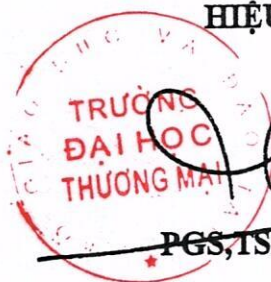
5	KỶ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	và 3-6TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15-17 TC</b>
6	KỶ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15-17TC</b>
7	KỶ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-17TC</b>
8	KỶ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-18TC</b>
9	KỶ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
10	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>131TC</b>

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

*\*Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương (mẫu số 4) các học phần trong CTĐT.*

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**



**PGS, TS Nguyễn Hoàng**

**PGS, TS Nguyễn Thị Minh Nhân**

## PHỤ LỤC

### MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Kiến thức giáo dục đại cương (40TC)

##### 1.1. Giáo dục đại cương (29TC)

###### 1.1.1. Các học phần bắt buộc (27 TC)

###### *\*Triết học Mác – Lê nin (3 TC)*

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

###### *\*Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 TC)*

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

###### *\* Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)*

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

###### *\* Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 TC)*

Học phần nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá

trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

*\* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 TC)*

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

*\* Pháp luật đại cương (2 TC)*

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

*\* Tiếng Anh 1 (2 TC)*

Học phần gồm 6 bài đầu của giáo trình “Market Leader -Elementary” của David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2007) giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại, cách thức đặt phòng trong khách sạn và kiểm tra việc đặt trước, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia thảo luận, v.v. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.

*\*Tiếng Anh 2 (2 TC)*

Học phần giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh trong môi trường thương mại qua giáo trình “Market Leader – Elementary” (bài 7, 8, 9, 10, 11, 12) của David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2007). Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp với đồng nghiệp, lãnh đạo, thực hiện một bài thuyết trình về công ty hoặc về một sản phẩm, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, v.v. giúp sinh viên có thể thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

*\*Tiếng Anh 3 (2 TC)*

Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Market Leader” - trình độ PreIntermediate. Học phần gồm 6 chương cung cấp nội dung kiến thức trong lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại gồm: Sự nghiệp, Mua hàng trên mạng, Công ty, Sáng kiến, Sự căng thẳng, Hoạt động giải trí của doanh nghiệp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: động từ khuyết thiếu chỉ khả năng, yêu cầu và đề nghị; động từ khuyết thiếu must, need to, have to, should; thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành và động từ kép. Hoàn thành 6 chương, sinh viên có thể thực hiện các cuộc gọi trên điện thoại, đàm phán, thuyết trình về một công ty, tham gia một cuộc họp, thảo luận về những nghề gây căng thẳng, stress nhất và có thể chào hỏi và nói chuyện phiếm bằng tiếng Anh.

*\*Toán đại cương (3 TC)*

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: Ma trận, hệ phương trình, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến và hàm biến. Bên cạnh đó, học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê: Khái niệm cơ bản về xác suất, các phân phối xác suất thường gặp, lý thuyết về mẫu, bài toán ước lượng tham số và bài toán kiểm định tham số.

*\*Tin học quản lý (3 TC)*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,...Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

*\*Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 TC)*

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

*1.1.2. Các học phần tự chọn (2 TC) lựa chọn trong các học phần sau:*

*\*Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chuyên ngành quản trị nhân lực. Nội dung học phần bao gồm: khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; văn hóa các vùng Tây Bắc, Việt Bắc, Châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

*\*Xã hội học đại cương (2 TC)*

Học phần Xã hội học đại cương được kết cấu thành 7 chương trong đó, chương 1 giới thiệu đối tượng, cơ cấu, chức năng và sơ lược lịch sử và các lý thuyết xã hội học. Chương 2 của học phần đề cập đến phương pháp nghiên cứu xã hội học. Các chương còn lại của học phần tập trung vào các chủ đề cơ bản của xã hội học theo logic từ hành động xã hội đến nhóm cơ cấu, tổ chức và thiết chế xã hội; từ văn hóa, xã hội hóa đến sai lệch và kiểm soát xã hội; từ bất bình đẳng, phân tầng, di động xã hội đến biến đổi xã hội và toàn cầu hóa.

*\*Kinh tế môi trường (2 TC)*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên,

các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

## **1.2. Giáo dục thể chất (3 TC)**

### **1.2.1. Học phần bắt buộc (1 TC)**

#### **\*Giáo dục thể chất chung (1TC)**

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện thể dục thể thao, phương pháp rèn luyện thể chất.

### **1.2.2. Các học phần tự chọn (2 TC) lựa chọn trong các học phần sau:**

#### **\*Bóng ném (1 TC)**

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản nhất về môn Bóng ném và thực hành các kỹ thuật cơ bản của Bóng ném.

#### **\*Bóng chuyền (1 TC)**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kỹ thuật di chuyền.

#### **\*Cầu lông (1 TC)**

Học phần giới thiệu một số kiến thức về lịch sử ra đời, luật thi đấu, yếu lĩnh kỹ thuật và các động tác cơ bản nhất của Cầu lông.

#### **\*Bóng bàn (1 TC)**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kỹ thuật di chuyền.

#### **\*Cờ vua (1 TC)**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu môn cờ vua.

#### **\*Bóng rổ (1 TC)**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng rổ: Chuyển và bắt bóng bằng hai tay trước ngực, kĩ thuật dẫn bóng, kĩ thuật dẫn bóng lên rổ một tay trên cao, ném phạt.

### **1.3. Giáo dục quốc phòng - an ninh (8 TC)**

Chương trình giáo dục quốc phòng gồm 4 học phần bao gồm: Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh; Học phần III: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; Học phần IV: Hiểu biết chung về quân, binh chủng. Chương trình giúp người học có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; Có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Ngoài ra còn giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

## **2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (91 TC)**

### **2.1. Kiến thức cơ sở ngành (29 TC)**

#### **2.1.1. Các học phần bắt buộc (18 TC)**

##### **\* Kinh tế vi mô 1 (3 TC)**

Kinh tế vi mô 1 là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

##### **\* Quản trị học (3 TC)**

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao



gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

*\*Kinh tế nguồn nhân lực căn bản (2 TC)*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực căn bản. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực; Cung lao động; Cầu lao động; Cân bằng thị trường lao động; Năng suất lao động và nguồn tiềm năng nâng cao năng suất lao động, đầu tư cho vốn nhân lực và tiền lương, thu nhập, mức sống đối với người lao động. Học phần có mối quan hệ với các học phần hoạch định nguồn nhân lực, quản trị nhân lực căn bản và trả công lao động... Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

*\*Quản trị nhân lực căn bản (3 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

*\*Tâm lý học lao động (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nội dung bao gồm: tổng quan về tâm lý học lao động; cơ sở tâm lý của tổ chức quá trình lao động và quản trị nhóm; tâm lý học an toàn lao động; giao tiếp và nghệ thuật đàm phán nhân sự; đặc điểm tâm lý của lao động quản lý và các kích thích tâm lý người lao động. Học phần có mối quan hệ với các học phần trả công lao động, quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

*\*Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 TC)*

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

### *\*Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 TC)*

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe - nói - đọc - viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

#### *2.1.2. Các học phần tự chọn (11 TC) lựa chọn trong các học phần sau:*

##### *\*Kinh tế vĩ mô 1 (3 TC)*

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

##### *\*Hành vi tổ chức (3 TC)*

Học phần hành vi tổ chức nghiên cứu hành vi của con người nói chung và hành vi người lao động của tổ chức nói riêng. Học phần tập trung giới thiệu ba khối kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức. Một là, hiểu biết hành vi tổ chức ở góc độ hành vi cá nhân như tự quan niệm bản thân, học tập, giá trị, động viên, thái độ. Hai là hành vi tổ chức ở góc độ nhóm và quá trình xã hội hóa của người lao động. Ba là nghiên cứu hành vi ở cấp độ doanh nghiệp bao gồm thông tin trong DN, vai trò của lãnh đạo và văn hóa trong tổ chức và sự thay đổi cũng như quản trị sự thay đổi trong tổ chức.

##### *\*Marketing căn bản (3 TC)*

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị nhân lực. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing

và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

*\* Thương mại điện tử căn bản (3 TC)*

Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

*\* Quản trị dự án (3TC)*

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

*\* Kinh tế khu vực và ASEAN (3 TC)*

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về liên kết kinh tế khu vực; sự hình thành và phát triển của Cộng đồng kinh tế ASEAN; các nền kinh tế của các nước ASEAN 6 và các nước CLMV cũng như cơ hội hợp tác của Việt Nam trong AEC.

*\* Khởi nghiệp và tư duy nghiệp chủ (3 TC)*

“Khởi nghiệp và tư duy nghiệp chủ” là một học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về khởi nghiệp, các giá trị cốt lõi và các đặc điểm của một nghiệp chủ thành công, các nhóm nghiệp chủ khác nhau và các đặc điểm của họ, giới thiệu sơ bộ quy trình khởi nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả khởi nghiệp.

*\* Xây dựng ý tưởng kinh doanh sáng tạo và mô hình kinh doanh (3 TC)*

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về khởi tạo ý tưởng kinh doanh sáng tạo và xây dựng mô hình kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về ý tưởng kinh doanh; xây dựng ý tưởng kinh doanh sáng tạo; tổng quan về mô hình kinh doanh; xây dựng lược đồ kinh doanh Canvas; đánh giá và thuyết trình về mô hình khởi sự kinh doanh.

*\* Kinh tế học quản lý (3 TC)*

Kinh tế học quản lý là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức ngành kinh tế, là khoa học kinh tế vi mô ứng dụng. Học phần sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng để ước lượng và dự báo cung - cầu, sản xuất, chi phí sản xuất; phân tích và nghiên cứu sâu về hành vi lựa chọn của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trong các trường hợp hợp chắc chắn, rủi ro và bất định. Thêm vào đó, học phần nghiên cứu việc ra quyết định của các nhà quản lý trong các cấu trúc thị trường khác nhau dựa vào các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất - kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác, giúp người học tiếp cận những học phần chuyên ngành chuyên sâu thuộc các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

*\* Lao động và việc làm (2 TC)*

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản cho người học về lao động, việc làm, chiến lược quốc gia về lao động và việc làm, chính sách lao động và việc làm, nhằm giúp sinh viên có thông tin cơ bản đi sâu nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm và một số chính sách đối với người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập. Học phần có mối quan hệ với các học phần kinh tế nguồn nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan.

*\* Khởi sự kinh doanh (2 TC)*

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

*\* Chuyển đổi số trong kinh doanh (2 TC)*

Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

**2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành (41 TC)**

**2.2.1. Các học phần bắt buộc (30 TC)**

*\* Luật lao động (2 TC)*

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về lĩnh vực lao động. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về khái niệm luật lao động, quan hệ lao động, các nguyên tắc cơ bản của luật lao động, quản lý nhà nước về lao động; hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể; các chế độ đối với người lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; giải quyết tranh chấp và giải quyết đình công.

*\* Quản lý nguồn nhân lực xã hội (2 TC)*

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản, cốt yếu về quản lý nguồn nhân lực xã hội. Học phần tập trung vào nội dung và công cụ quản lý nhà nước đối với nguồn nhân lực xã hội, cụ thể: tổng quan về quản lý nguồn nhân lực xã hội, chiến lược phát triển nguồn nhân lực xã hội, kế hoạch và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực xã hội, chính sách phát triển nguồn nhân lực xã hội, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực xã hội. Học phần có mối quan hệ với các học phần kinh tế nguồn nhân lực căn bản và quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

*\* Quan hệ lao động BCTT (3 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần hàm chứa các nội dung: Những nguyên lý cơ bản về quan hệ lao động; Môi trường quan hệ lao động; Các chủ thể của quan hệ lao động; Cơ chế tương tác trong quan hệ lao động; Báo cáo thực tế về thực trạng quan hệ lao động ở Việt Nam; Các hình thức tương tác trong quan hệ lao động (trao đổi thông tin, tư vấn tham khảo, thương lượng).

*\* Hoạch định nguồn nhân lực (3 TC)*

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạch định nguồn nhân lực, bao gồm: Khái niệm, vai trò, nguyên tắc, yêu cầu nội dung hoạch định nguồn nhân lực của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin nguồn nhân lực và kỹ thuật hoạch định nguồn nhân lực; Phân tích môi trường quản trị nguồn nhân lực; Dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực; Thiết lập chiến lược nguồn nhân lực; Xây dựng chính sách và kế hoạch nguồn nhân lực của tổ chức, doanh nghiệp.

*\* An toàn và vệ sinh lao động (2 TC)*

Học phần bao gồm các nội dung chính như: An toàn lao động, các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, an toàn lao động đối với một số lĩnh vực có nguy cơ cao; vệ sinh lao động, nguyên nhân phát sinh và các biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp;

quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động, hệ thống pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức bộ máy quản lý công tác vệ sinh an toàn lao động trong các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện, điều hành công tác an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần quản trị nhân lực căn bản, tổ chức và định mức lao động và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

*\*Tuyển dụng nhân lực (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: Khái niệm và vai trò của tuyển dụng nhân lực; nội dung của tuyển dụng nhân lực; xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tuyển mộ nhân lực; tuyển chọn nhân lực; quyết định tuyển dụng và hội nhập nhân viên mới; đánh giá tuyển dụng nhân lực.

*\*Đào tạo và phát triển nhân lực (2 TC)*

Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực.

*\*Tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp (3 TC)*

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Tổng quan về tổ chức và định mức lao động; Tổ chức lao động trong doanh nghiệp; Định mức lao động trong doanh nghiệp; Tổ chức và định mức đối với lao động quản lý; Tổ chức và định mức lao động sản xuất; Tổ chức và định mức lao động thương mại. Học phần có mối quan hệ với các học phần hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc và trả công lao động... Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

*\*Đánh giá thực hiện công việc (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: khái niệm, vai trò, vị trí của đánh giá thực hiện công việc; nội dung của đánh giá thực hiện công việc; thiết kế đánh giá thực hiện công việc; triển khai đánh giá thực hiện công việc và sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc.

*\*Trả công lao động trong doanh nghiệp BCTT (3 TC)*

Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành cơ bản về trả công lao động trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, vai trò của trả công

lao động, cơ cấu và các nguyên tắc trả công lao động; trả lương, phụ cấp lương và quản lý trả lương; trả thưởng; trả phúc lợi; Báo cáo thực tế về trả công lao động trong doanh nghiệp và các chính sách, chế độ tiền lương của Việt Nam. Học phần có mối quan hệ với các học phần quản trị nhân lực căn bản, tổ chức và định mức lao động trong DN và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

*\*Quản trị nhân lực quốc tế (2 TC)*

Học phần bao gồm các nội dung chính như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của nhân lực quốc tế và quản trị nhân lực quốc tế; tuyển dụng và đào tạo nhân lực quốc tế, thù lao và phúc lợi cho nhân lực trong các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế; chuyên giao chính sách và quy trình quản trị nhân lực quốc tế.

*\*Quản trị nhân lực công (2 TC)*

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Khái niệm, đặc điểm của quản trị nhân lực trong tổ chức công; Xác định vị trí việc làm và quy hoạch nhân lực trong tổ chức công; Thu hút và tuyển dụng nhân lực trong các tổ chức công; Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực trong các tổ chức công; Đánh giá và thù lao nhân lực trong các tổ chức công. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

*\*Quản trị thời gian (2 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Lập kế hoạch thời gian; Đánh giá cách thức sử dụng thời gian; Phát hiện và khắc phục lãng phí thời gian; Ủy nhiệm ủy quyền; Cân bằng công việc và cuộc sống cá nhân.

*2.2.2. Các học phần tự chọn (11 TC) lựa chọn trong các học phần sau:*

*\*Phân tích nhân lực (3 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Các nội dung cơ bản của phân tích nhân lực bao gồm: Hệ thống phân tích nhân lực bao gồm dữ liệu phân tích nhân lực; Các nguồn lực để phân tích nhân lực; Báo cáo phân tích nhân lực.... Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

*\*Quản trị nhân lực số (3 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực số, Môi trường quản trị nhân lực số; Các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực

số (Tổ chức làm việc trong môi trường số; Tuyển dụng và đào tạo nhân lực số; Đánh giá và đãi ngộ nhân lực số; Gắn kết nhân lực số).

*\*Quản trị tri thức (3 TC)*

Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ, đi sâu vào một trong những khía cạnh quản lý mới của ngành quản trị nhân lực, đó là vấn đề tri thức và quản trị tri thức trong tổ chức. Học phần quản trị tri thức sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản và những quan điểm tiếp cận hiện đại về tri thức và quản trị tri thức, khái quát các hoạt động tác nghiệp cơ bản của quản trị tri thức trong tổ chức; Thông qua việc giới thiệu về tình hình và thực trạng quản trị tri thức ở Việt Nam hiện nay, học phần giúp người học nhận thức được giá trị của tài sản tri thức và vai trò của hoạt động quản trị tri thức trong tổ chức. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng thực hành quản trị tri thức trong tổ chức; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật quản trị tri thức nhằm quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan tới quản trị tri thức trong tổ chức trong môi trường kinh tế tri thức.

*\*Quản trị dịch vụ (3 TC)*

Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận, vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

*\*Hệ thống thông tin quản lý (3 TC)*

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, làm cơ sở cho các học phần khác thuộc chuyên ngành. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp; Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

*\*Quản trị đa văn hóa (3 TC)*

Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần



cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

*\* Quản trị sản xuất (3 TC)*

Quản trị sản xuất là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.

*\* Quản trị thương hiệu 1 (3 TC)*

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

*\* Quản trị chuỗi cung ứng (3 TC)*

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc

quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

**\*Quản trị hành chính văn phòng (2 TC)**

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung chính như: Giới thiệu về quản trị hành chính văn phòng; Tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo; Tổ chức tiếp khách; Tổ chức chuyến đi công tác; Tổ chức quản lý, giải quyết văn bản và tổ chức lưu trữ tài liệu.

**\*Khai phá dữ liệu trong kinh doanh (2 TC)**

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của quá trình khai phá dữ liệu với các công cụ của Business Intelligence.

**\*Kinh tế doanh nghiệp (2 TC)**

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản trị nhân lực. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiêu thụ, cung ứng, hoạt động sản xuất và hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ của doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị kỹ năng ra quyết định kinh tế trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; Đảm bảo các nguồn lực và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ của doanh nghiệp; Các nguồn lực chủ yếu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế và quản trị trong chương trình đào tạo ngành kinh tế và một số chương trình đào tạo có liên quan trong Trường.

**2.3. Kiến thức bổ trợ (12 TC)**

**2.3.1. Các học phần bắt buộc (6 TC)**

**\*An sinh xã hội (3 TC)**

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần cung cấp những kiến thức bổ trợ chuyên ngành gồm các nội dung chính như: Các khái niệm, nguyên tắc, các học phần cơ bản về an sinh xã hội; Lịch sử hình thành an sinh xã hội; Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội; Các tiêu chuẩn quốc tế

về an sinh xã hội; Hệ thống an sinh xã hội (Bảo hiểm xã hội; Cứu trợ xã hội; Ưu đãi xã hội; Xóa đói giảm nghèo; Quỹ dự phòng; Dịch vụ an sinh xã hội); Quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

*\* Quản trị chiến lược (3 TC)*

Với mục đích cung cấp một hệ thống kiến thức tổng quan và hàn lâm về quản trị chiến lược của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh hiện đại, học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

*2.3.2. Các học phần tự chọn (6TC) lựa chọn trong các học phần sau:*

*\* Đầu tư quốc tế (3 TC)*

Học phần nghiên cứu những hình thức cơ bản về Đầu tư quốc tế. Nghiên cứu cụ thể sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT, vai trò của từng loại hình đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; bên cạnh đó cũng xem xét đến các vấn đề còn nhiều tranh luận liên quan đến đầu tư quốc tế; học phần đồng thời nghiên cứu hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài với hình thức và nội dung cơ bản có liên quan.

*\* Nguyên lý quản lý kinh tế (3 TC)*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

*\* Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp (3 TC)*

Học phần nhằm cung cấp kỹ năng chuyên giao, huấn luyện sử dụng các phần mềm thông dụng trong tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp bao gồm các đặc trưng, yêu cầu kỹ thuật, phi kỹ thuật, các lợi ích của chúng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đi sâu giới thiệu cụ thể vào 3 nhóm phần mềm ứng dụng cơ bản trong doanh nghiệp là nhóm phần mềm tích hợp, nhóm phần mềm quản lý tri thức và nhóm phần mềm trí tuệ nhân tạo.

**\* Quản trị tài chính 1 (3 TC)**

Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị tài chính. Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

**\* Quản lý tài sản trí tuệ (3 TC)**

Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức căn bản về quản lý các tài sản trí tuệ trên cả 2 phạm trù là quản lý nhà nước và quản trị trong các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học như các trường đại học, các viện nghiên cứu... Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát chung về tài sản trí tuệ và các quyền đối với tài sản trí tuệ; Nhận diện và phân định các loại tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức; Các quy định pháp lý về các đối tượng sở hữu trí tuệ và những vấn đề cơ bản Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nguồn vốn trí tuệ và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; Quản lý và xác lập các quyền đối với các tài sản trí tuệ (như quyền tài sản, quyền nhân thân, quyền sử dụng và quyền quản lý); Quản lý quá trình sử dụng, khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tổ chức; Định giá và chuyển giao các tài sản trí tuệ của tổ chức doanh nghiệp.

**\* Quản trị PR (3 TC)**

Quản trị quan hệ công chúng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các giai đoạn của quá trình quản trị PR; đồng thời cung cấp cho người học có được kiến thức tổng quát và hữu dụng về các công cụ và các công chúng trong hoạt động PR làm cơ sở tạo lập một giải pháp sáng tạo và phù hợp nhất cho những vấn đề gặp phải sau này.

**2.4. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khoá học (10 TC)**

**\* Báo cáo thực tập tổng hợp (3 TC)**

Trên cơ sở thực tập tại đơn vị thực tế, Báo cáo thực tập tổng hợp (BCTTTH) bao gồm các nội dung chính: Giới thiệu chung về tổ chức/doanh nghiệp; Khái quát tình hình hoạt động quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp; Một số vấn đề cấp thiết cần giải quyết của tổ chức/doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân lực và định hướng đề tài khóa luận tốt nghiệp.

*\* Khóa luận tốt nghiệp (7 TC)*

Khóa luận tốt nghiệp là một sản phẩm nghiên cứu chuyên ngành nhằm giải quyết một vấn đề thực tiễn quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp đặt ra trên cơ sở vận dụng những lý thuyết đã được học bằng phương pháp nghiên cứu khoa học, công cụ công nghệ thông tin phù hợp.